

BÁO CÁO

**Tổng kết Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 12/8/2011
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới
tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2011 - 2020**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I- BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thuận lợi

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đề cử thể hóa Chính phủ đã ban hành và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, cùng với nhiều cơ chế, chính sách, hệ thống văn bản chỉ đạo toàn diện, đồng bộ là điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình.

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi, biên giới, diện tích tự nhiên 8.310 km², trên 70% diện tích là đồi núi, 80,67% dân số sống ở nông thôn. Toàn tỉnh có 10 huyện, 01 thành phố với 226 xã, phường, thị trấn (sau khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, hiện nay tỉnh có 200 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 181 xã, 05 phường và 14 thị trấn). Nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn được xác định là nền tảng, giữ vai trò, vị trí chiến lược quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển toàn diện nông nghiệp, nông dân, nông thôn, kết quả đạt được là nền tảng, tiền đề cho xây dựng nông thôn mới. Lạng Sơn là tỉnh nông nghiệp thuần túy, người nông dân trải qua quá trình dài sản xuất nông nghiệp, do đó đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn và thực tiễn quá trình phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo từ tỉnh đến huyện, xã đã được rèn luyện với nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là chương trình phát triển nông thôn toàn diện nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được các cấp ủy đảng, chính quyền, cả hệ thống chính trị và người dân đồng tình ủng hộ.

2. Khó khăn

Do là tỉnh miền núi, biên giới, địa hình chủ yếu là đồi núi, chia cắt, xuất phát điểm rất thấp, cơ sở hạ tầng nông thôn kém phát triển, điều kiện kinh tế - xã hội, đời sống dân cư nông thôn còn nhiều khó khăn; số lượng các xã đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao; nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền và người dân về Chương trình xây dựng nông thôn mới còn nhiều hạn chế. Nhu cầu và suất đầu tư về hạ tầng rất lớn trong khi khả năng nguồn lực từ ngân sách Nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu, việc huy động đóng góp các nguồn lực xã hội khó khăn.

Kết quả rà soát đánh giá tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2011: Có 01 xã đạt 10 tiêu chí, 22 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí, 129 xã đạt từ 01 - 04 tiêu chí, 55 xã không đạt tiêu chí nào, bình quân tiêu chí/xã chỉ đạt 2,57 tiêu chí. Các tiêu chí khó, như: Giao thông, thuỷ lợi, cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở, môi trường, thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo... hầu hết các xã đều chưa đạt.

Quy mô nền kinh tế nhỏ lẻ, chủ yếu kinh tế hộ, sản xuất nông nghiệp chưa phát triển, chưa có tư duy sản xuất hàng hóa tập trung; việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản hạn chế. Thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh còn thấp nên khả năng huy động sức dân đóng góp xây dựng nông thôn mới là khó khăn. Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ nhìn chung còn thấp, nhất là ở tuyến xã, nhiều cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn; cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ công tác còn khó khăn.

II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết

Sau khi Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 12/8/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2011 - 2020 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TU*) được ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thành phố đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề về xây dựng nông thôn mới, cụ thể hóa các mục tiêu nhiệm vụ của nghị quyết phù hợp từng cơ quan, địa phương để tổ chức thực hiện. Trong đó:

- Giai đoạn 2011 - 2015: Xác định rõ ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, tỉnh đã tập trung chỉ đạo toàn diện, quyết liệt, đồng thời gắn với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới phụ trách địa bàn và tiêu chí. Các cấp uỷ đảng, sở, ngành, đoàn thể tỉnh đều ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng nông thôn mới, xây dựng kế hoạch để cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn của địa phương, đơn vị để tổ chức thực hiện. Xây dựng, thiết lập bộ máy triển khai từ cấp tỉnh đến cơ sở¹.

¹ Cấp tỉnh và 11 huyện, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới; cấp xã thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới và thành lập Ban Phát triển thôn. Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiện toàn bộ máy làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, thành lập Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; 11/11 huyện, thành phố đã thành lập Văn phòng Điều phối; bố trí 01 công chức cấp xã thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới. Công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp được thực hiện thường xuyên, liên tục bảo đảm theo quy định.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 1865/QĐ-TTg, ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch các Chương trình giai đoạn 2016 - 2020, công tác chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của các cấp, các ngành tiếp tục được quan tâm thực hiện toàn diện, đồng bộ, quyết liệt. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát kiện toàn Ban Chỉ đạo và Bộ máy giúp việc các cấp theo quy định của Chính phủ; ban hành đồng bộ hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình.

Các cấp, các ngành đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới². Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng chuyển mạnh nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo các nội dung cụ thể của Chương trình cho Ban chỉ đạo cấp huyện và cơ sở để chủ động triển khai thực hiện, phát huy có hiệu quả vai trò chủ động, sáng tạo của cấp cơ sở, cộng đồng dân cư và người dân trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; nâng cao quyết tâm chính trị của các cấp ủy đảng, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Chương trình.

Để cụ thể hóa các Bộ tiêu chí, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định quy định về tiêu chí xã nông thôn mới, thôn nông thôn mới của tỉnh theo phân cấp, giao nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức thực hiện, tập trung vào nội dung, chiều sâu chất lượng của Chương trình nông thôn mới³.

Công tác kiểm tra, giám sát được các cấp, các ngành triển khai thực hiện nghiêm túc, thường xuyên bằng nhiều hình thức. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thực hiện 02 cuộc giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU; Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức nhiều cuộc giám sát chuyên đề về nông thôn mới và lồng ghép trong kiểm tra nhiệm vụ công tác của các đơn vị. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất về tiến độ triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại các huyện, thành phố; các cấp, các ngành chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo các huyện, thành phố thường xuyên, kiểm tra, đôn đốc để kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn cho cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

2. Công tác tuyên truyền, triển khai quán triệt Nghị quyết

Công tác phổ biến quán triệt Nghị quyết được các cấp ủy đảng, chính

² Trong đó: Có 27 nghị quyết, chương trình hành động của các huyện ủy, thành ủy, HĐND huyện; hơn 320 kế hoạch, chỉ thị, chương trình phối hợp của các cấp, ngành, đoàn thể; hàng nghìn văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

³ Các Quyết định: Số 1186/QĐ-UBND, ngày 31/7/2014 về việc áp dụng một số tiêu chí trong Bộ Tiêu chí quốc gia về NTM trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; số 315/QĐ-UBND, ngày 28/02/2017 về việc áp dụng một số tiêu chí trong Bộ Tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh; số 933/QĐ-UBND, ngày 22/5/2018 về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh; số 738/QĐ-UBND, ngày 19/4/2019 ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2020; số 1271/QĐ-UBND, ngày 16/7/2019 ban hành bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; số 1770/QĐ-UBND, ngày 13/9/2019 về việc ban hành Quy định, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận, công nhận lại, thu hồi quyết định công nhận và thực hiện công bố, công bố lại, thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2020; số 2094/QĐ-UBND, ngày 29/10/2019 ban hành Bộ tiêu chí Vườn mẫu trên địa bàn tỉnh.

quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã kịp thời tổ chức học tập, phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết số 20-NQ/TU đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Qua học tập, quán triệt Nghị quyết, các cấp uỷ đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân đã nhận thức được xây dựng nông thôn mới là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là chương trình tổng hợp về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng ở khu vực nông thôn, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn dân, là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên và lâu dài.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã phát động phong trào thi đua “Lạng Sơn cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới, hình thức tuyên truyền ngày càng đa dạng, phong phú⁴; việc tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm hay trong xây dựng nông thôn mới đã được tổng kết đúc rút từ thực tiễn; đi sâu vào những nội dung tuyên truyền vận động Nhân dân xây dựng đời sống văn hóa, thay đổi nếp sống, phong tục lạc hậu, đổi mới tư duy, cách thức sản xuất, nâng cao thu nhập, xây dựng môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp, bảo đảm an ninh, quốc phòng khu vực nông thôn. Thông qua công tác tuyên truyền vận động đã góp phần quan trọng giúp cán bộ và Nhân dân hiểu đúng mục đích, ý nghĩa của Chương trình, từ đó thay đổi nhận thức, từng bước khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dân và cộng đồng dân cư; không khí thi đua xây dựng nông thôn mới cơ bản trở thành phong trào rộng khắp được người dân hưởng ứng, thể hiện bằng việc đóng góp ngày công lao động, tiền của, hiến đất, hiến ké để cùng chung sức xây dựng nông thôn mới.

Thông qua các phong trào thi đua đã xuất hiện nhiều mô hình, cách làm hay, sáng tạo, gương điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh được biểu dương, khen thưởng góp phần tạo được niềm tin, tính nêu gương và sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng dân cư⁵.

⁴ Tuyên truyền lồng ghép qua các hoạt động của các tổ chức đoàn thể, các khu dân cư, các phương tiện thông tin đại chúng, qua băng rôn, pa nô, khẩu hiệu, sân khấu hóa, tổ chức cuộc thi sáng tác tác phẩm báo chí về xây dựng nông thôn mới, in đĩa CD. Đã tổ chức tuyên truyền, lồng ghép được 10.107 hội nghị tuyên truyền với khoảng 631.793 lượt người tham gia. In ấn, cấp phát 180.000 tờ rơi đến hộ gia đình; 2.750 bảng tiêu chuẩn, 2.750 bảng tiêu chí, 2.300 quyển sổ tay hướng dẫn xây dựng NTM cấp xã; 5.000 quyển tài liệu Hỏi - Đáp về xây dựng nông thôn mới, 3.500 quyển tài liệu tham khảo về phát triển sản xuất trong xây dựng nông thôn mới, 1.600 cuốn sổ tay cuốn sổ tay kinh nghiệm, cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới và 3000 cuốn sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; xây dựng pano, khẩu hiệu tuyên truyền theo các tuyến đường quốc lộ và trung tâm các cụm xã; phát hành gần 500 đĩa tuyên truyền, phối hợp, cấp phát 3.500 áp phích, 30.000 tờ rơi và xuất bản trên 49.000 cuốn bản tin có nội dung tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới, xây dựng đời sống văn hoá, bảo vệ môi trường.

Tỉnh Đoàn xây dựng 470 mô hình thấp sáng đường thôn tại các xã điểm với tổng chiều dài 206km, xây dựng 4.500 lò đốt rác gia đình, 1.439 nhà vệ sinh cải tiến; Hội LHPN tổ chức hội thi xây dựng nông thôn mới gắn với phong trào 5 không 3 sạch, xây dựng được 12.162 hố xử lý rác thải tại hộ gia đình và trồng trên 494 km đường hoa, cây xanh cảnh quan tại các thôn và khu vực trung tâm xã; Hội Cựu Chiến binh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến xây dựng nông thôn mới được 128 lớp có 10.693 cho cán bộ, hội viên CCB.

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng chuyên mục về xây dựng nông thôn mới xây dựng trên 1.500 tin, bài, phóng sự tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách, nêu gương các điển hình tiên tiến, cũng như phản ánh những khó khăn vướng mắc trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Báo Lạng Sơn xây dựng chuyên trang nông thôn mới hằng tuần và đăng tải trên 7.500 tin, bài, ảnh trên ấn phẩm báo in và trang tin điện tử phản ánh về lĩnh vực nông thôn mới; Hội Nhà báo tỉnh tổ chức 06 cuộc thi sáng tạo tác phẩm báo chí về xây dựng nông thôn mới với nhiều tác phẩm đạt chất lượng cao.

⁵ Kết quả trong giai đoạn 2011 - 2020, có 14 tập thể, cá nhân được Thủ tướng Chính phủ khen thưởng (03 tập thể được Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Cờ thi đua; 05 tập thể, 06 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng

III- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Công tác lập quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới

Công tác lập quy hoạch, xây dựng đề án nông thôn mới các cấp đã được tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành bảo đảm tiến độ. Đến tháng 3/2013, toàn tỉnh đã hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch chung và đề án xây dựng nông thôn mới cho 11 huyện, thành phố với 207/207 xã; 40/207 xã được phê duyệt quy hoạch chi tiết; tháng 9/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, các địa phương thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đã được phê duyệt để cho phù hợp giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị; quy hoạch sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đồng thời thực hiện tốt việc quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

2. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

Phát triển giao thông nông thôn được xác định là khâu đột phá trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, được các cấp, các ngành quan tâm chú trọng và chỉ đạo thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 02 Đề án phát triển giao thông nông thôn⁶ gắn với thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, trong 10 năm toàn tỉnh đã huy động từ các nguồn vốn được trên 1.804,8 tỷ đồng để xây dựng đường giao thông nông thôn trong đó vốn ngân sách nhà nước là trên 852 tỷ đồng, Nhân dân đóng góp tiền, ngày công, khai thác vật liệu quy tiền 952,8 tỷ đồng. Tỉnh đã hỗ trợ 382.361 tấn xi măng, 22.900m công các loại, huy động được trên 3,62 triệu ngày công lao động, Nhân dân khai thác cát đá sỏi tại chỗ trên 450.000 m³ phục vụ làm đường giao thông. Kết quả đã mở mới đường giao thông nông thôn thêm 730km, sửa chữa bảo trì được 32.250km đường các loại, xây dựng thêm 3.165km mặt đường bê tông xi măng, tỷ lệ cứng hóa đường đến trung tâm xã đạt 79%. Hết năm 2020 có 76/181 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 42%.

Hệ thống công trình thủy lợi, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn được quan tâm sửa chữa, nâng cấp, giai đoạn 2011 - 2020 huy động tổng nguồn vốn trên 1.097 tỷ đồng⁷ để đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi, nâng cấp, cải tạo các công trình và hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất, nâng diện tích trồng trọt được tưới tiêu lên 36.353 ha; diện tích nuôi trồng thủy sản đã được cấp thoát nước là 136 ha; kiên cố hóa được 1.388 km kênh mương nội đồng, đạt 50,62%. Hết năm 2020 có 168/181 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 92,82%.

Hệ thống điện nông thôn được nâng cấp, mở rộng, đáp ứng yêu cầu phục vụ cho sản xuất và đời sống Nhân dân. Giai đoạn 2011 - 2020, tỉnh đã đầu tư mới, cải tạo lưới điện nông thôn với tổng kinh phí là 918 tỷ đồng. Thực hiện đầu tư, cải tạo

thường Bằng khen); có 88 tập thể, 107 cá nhân, 78 gia đình, 20 doanh nhân, doanh nghiệp được Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng Bằng khen; có 466 tập thể, 731 cá nhân, hộ gia đình được Chủ tịch UBND cấp huyện tặng thưởng Giấy khen và có hàng nghìn cá nhân, hộ gia đình được UBND cấp xã tặng thưởng Giấy khen.

⁶ Nghị quyết số 53/2011/NQ-HĐND, ngày 26/7/2011 của HĐND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2011 - 2015; Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND, ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020.

⁷ Trong đó: Nguồn vốn Trung ương 221.795 triệu đồng, địa phương 166.165 triệu đồng, lồng ghép 304.305 triệu đồng, người dân góp 30.850 triệu đồng, doanh nghiệp 7.048 triệu đồng, nguồn khác 47.332 triệu đồng.

xây mới được 350 km đường dây 35kV; đường dây 0,4kV được 1.313km; xây mới 393 trạm biến áp. Đến nay 100% số xã đã có điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ nông thôn có điện đạt 97,95%, tỷ lệ thôn có điện đạt 98,31%; toàn tỉnh có 2.315km đường dây trung áp bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, với 829 trạm biến áp và 4.666km đường dây hạ thế. Hết năm 2020 có 108/181 xã đạt tiêu chí, đạt tỷ lệ 59,67%.

Hệ thống hạ tầng thương mại nông thôn từng bước được đầu tư đồng bộ, phục vụ ngày càng tốt nhu cầu trao đổi, giao thương hàng hóa trên địa bàn nông thôn. Tỉnh đã ban hành Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND, ngày 22/02/2018 quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2030. Trong giai đoạn 2011-2020, đã xây dựng được 05 chợ trên địa bàn nông thôn với tổng mức đầu tư là 29,195 tỷ đồng, trong đó vốn xã hội hóa là 16,916 tỷ đồng, vốn từ ngân sách Nhà nước là 12,279 tỷ đồng. Toàn tỉnh hiện có 88/207 xã có quy hoạch chợ; 119/207 xã không có quy hoạch chợ. Hết năm 2020 có 170/181 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 93,92%.

Hạ tầng thông tin và truyền thông được đầu tư và phát triển nhanh, rộng khắp, việc phát triển các dịch vụ sử dụng hạ tầng thông tin và truyền thông về tới vùng cao, biên giới được quan tâm. Hiện nay 100% số xã trên địa bàn tỉnh đã có điểm phục vụ bưu chính và có hạ tầng viễn thông 2G, 3G (hạ tầng 4G có đến UBND cấp xã); có 2.537 trạm phủ sóng thông tin di động tại khoảng 1.000 vị trí, phủ sóng điện thoại di động và internet vô tuyến đến 100% số xã. Trong giai đoạn 2011-2020, đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp đài truyền thanh cho 109 xã; cấp trên 4.000 hộp thư điện tử, triển khai phần mềm quản lý văn bản điện tử, phần mềm dịch vụ công trực tuyến đến 100% số xã. Triển khai Chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan hành chính Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, đáp ứng yêu cầu gửi, nhận văn bản điện tử và chứng thực điện tử phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng. Hết năm 2020 có 94/181 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 51,93%.

3. Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn

Thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy đã xây dựng Chương trình hành động, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách tổ chức thực hiện gắn với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, trong đó trọng tâm là đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất để nâng cao thu nhập cho người dân. Tập trung ưu tiên phát triển các vùng sản xuất cây, con thế mạnh, chủ lực của địa phương; ưu tiên hỗ trợ nhân rộng các mô hình đã được thực hiện có hiệu quả, các sản phẩm chủ lực, sản phẩm làng nghề, nghề truyền thống, có lợi thế cạnh tranh; khuyến khích xây dựng các mô hình sản xuất áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất công nghệ cao, sản xuất sản phẩm theo hướng VietGap, GlobalGap, hữu cơ gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì sản phẩm truy xuất nguồn gốc, hướng tới liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Giai đoạn 2011 - 2020, tổng nguồn vốn đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh là 247.191 triệu đồng⁸; đã xây dựng được

8 Trong đó: Ngân sách hỗ trợ 136.079 triệu đồng, Hợp tác xã, người dân đối ứng 105.472 triệu đồng.

431 mô hình tại 93 xã, với tổng số hộ tham gia 13.828 hộ, hiện có 329/431 mô hình còn duy trì và nhân rộng đạt tỷ lệ 76,3%. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng thí điểm 03 dự án tổng thể phát triển sản xuất tại thành phố Lạng Sơn, huyện Cao Lộc và huyện Bình Gia, các mô hình đã mạnh dạn chuyển ~~chuyển~~ đổi phương thức sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất, thực hiện liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đem lại hiệu quả kinh tế cao đã góp phần tạo sự chuyển biến trong tư duy sản xuất.

Các hình thức liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đã dần từng bước hình thành và phát triển đa dạng, phù hợp với điều kiện sản xuất từng vùng, địa phương, đã có những mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao⁹; công tác xúc tiến tiêu thụ sản phẩm được quan tâm chú trọng, tỉnh đã hỗ trợ các Hợp tác xã xây dựng các điểm giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn tại siêu thị, chợ trung tâm trên địa bàn tỉnh; một số sản phẩm đặc sản của tỉnh như: Na, Quýt, Khoai môn, Hồng và các loại rau đặc sản đã được kết nối, giới thiệu tiêu thụ sản phẩm đến với hệ thống các siêu thị lớn tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số thị trường lớn trong và ngoài nước; chỉ đạo tổ chức các hoạt động quảng bá sản phẩm như: Ngày hội Na Chi Lăng, Hội thi Hồng Vành Khuyên Văn Lãng, Hồng Bảo Lâm Cao Lộc, Quýt vàng Bắc Sơn, trái cây tươi Hữu Lũng...; tỉnh đã triển khai thực hiện 112 đề tài, dự án tập trung vào nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất theo hướng hàng hóa gắn với thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; hoàn thành việc xây dựng và bảo hộ đối với: 02 chỉ dẫn địa lý (Hoa hồi Lạng Sơn và Hồng Bảo Lâm); 02 nhãn hiệu chứng nhận (Na Chi Lăng, Rau thành phố Lạng Sơn); 21 nhãn hiệu tập thể (rượu Mẫu Sơn, Hồng Vành khuyên, Thạch đen, Quýt vàng, Cao khô Vạn Linh ...); toàn tỉnh đã công nhận được 11 sản phẩm OCOP (được phân hạng từ 3 sao đến 4 sao).

Kinh tế tập thể đã có bước chuyển đổi rõ nét cả về số lượng và chất lượng, lĩnh vực ngành nghề từng bước được mở rộng theo hướng đa ngành nghề, đa dạng loại hình hoạt động. Thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012, các Hợp tác xã từng bước được củng cố, tổ chức lại bộ máy, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh¹⁰. Hợp tác xã nông nghiệp bước đầu đã tạo được sự liên kết, hợp tác trong sản xuất nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi, từng bước thay đổi tập quán sản xuất khu vực nông thôn, đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất. Đến nay có 126/181 xã đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất, chiếm tỷ lệ 69,61%.

Kinh tế đôi rừng có bước phát triển vượt bậc, đã xuất hiện những mô hình

⁹ Công ty Cổ phần Ngân Sơn đầu tư phát triển vùng trồng nguyên liệu thuốc lá trên địa bàn 43 xã của 6 huyện. Công ty Cổ phần chè Thái Bình, thu mua chế biến, bao tiêu sản phẩm cho người trồng chè tập trung tại huyện Đình Lập; Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm xuất khẩu G.O.C xây dựng vùng nguyên liệu, bao tiêu sản phẩm cho các sản phẩm như: Dưa chuột, Ngô bao tử, Cà chua bi, Măng tre Bát Độ tại huyện Hữu Lũng, Công ty TNHH Hòa Hưng Bắc Ninh sản xuất khoai tây thương phẩm, khoai tây giống và gừng trâu Trung Quốc tại huyện Bình Gia; Công ty TNHH Chế biến và xuất khẩu nông lâm sản Lạng Sơn thu mua chế biến, xuất khẩu hoa Hồi ra thị trường một số nước Ấn Độ, Nhật, Anh, Malaysia...

¹⁰ Năm 2015, toàn tỉnh có 85 Hợp tác xã nông nghiệp. Đến nay trên địa bàn toàn tỉnh có 189 Hợp tác xã nông nghiệp; 02 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động theo các lĩnh vực chính như nông lâm nghiệp, thủy sản. Tổng số vốn điều lệ là 170.5 tỷ đồng, bình quân trên 900 triệu đồng/HTX, năm 2011 từ chỗ thành viên HTX không có thu nhập thì đến nay thu nhập bình quân đạt 42 triệu đồng/thành viên/năm.

kinh tế đồi rừng cho giá trị kinh tế cao, nghề rừng đang dần trở thành nghề chính, góp phần tích cực trong thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn. Đã hoàn thành, bàn giao 27.204 ha đất rừng từ các Công ty Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh cho các huyện, các đối tượng sử dụng đất quản lý. Trong 10 năm, trồng rừng mới được 106.680 ha, khoanh nuôi tái sinh 67.215 lượt ha. Kinh tế đồi rừng đã từng bước được khai thác có hiệu quả, bền vững, thực hiện tốt việc vừa khai thác kết hợp với công tác bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh rừng, trồng rừng bổ sung đã đưa tổng diện tích đất có rừng đến hết năm 2020 ước đạt trên 518.766 ha, chất lượng rừng ngày một nâng cao, tỷ lệ che phủ rừng nâng từ 47,6% năm 2011 lên 63,0% năm 2020.

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn có tiến bộ, nhưng chủ yếu là sơ chế, chế biến các mặt hàng đơn giản, quy mô nhỏ¹¹. Các ngành nghề truyền thống khu vực nông thôn được quan tâm bảo tồn. Mạng lưới dịch vụ nông nghiệp được phát triển rộng khắp, cung ứng đầy đủ, kịp thời các vật tư phục vụ phát triển sản xuất trên địa bàn¹². Cơ khí hoá sản xuất nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh.

4. Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, huy động các nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Công tác xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn ngày càng được quan tâm, chú trọng. Tỉnh đã xây dựng cơ chế, tạo tiền đề thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, quyết định ban hành Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng; ban hành Quy chế huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020; quy định cơ chế phân cấp quản lý¹³, ban hành các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình giao thông nông thôn, trạm y tế xã, trường học các cấp, công trình nhà văn hóa xã, thôn; khung báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình trụ sở xã, phường, thị trấn; ban hành chính sách hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn, sân tập thể thao xã, chính sách phát triển giao thông nông thôn, chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn phát triển nông nghiệp; thu hút cán bộ về công tác tại Ủy ban nhân dân xã, Hợp tác xã; hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn¹⁴...

¹¹- Toàn tỉnh có 230 cơ sở chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản; 151 cơ sở sản xuất đồ mộc (đồ mỹ nghệ, đồ mộc xây dựng và gia dụng), 330 cơ sở chế biến lâm sản; 328 cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; 401 cơ sở sản xuất, lắp ráp, sửa chữa cơ khí nhỏ.

¹²- Hiện toàn tỉnh có 223 cơ sở kinh doanh phân bón, 218 cơ sở kinh doanh thuốc BVTV và 01 cơ sở sản xuất phân bón được cấp phép hoạt động; gần 700 cơ sở kinh doanh giống cây trồng nông, lâm nghiệp; 229 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, 138 cơ sở kinh doanh thuốc thú y, 600 điểm giết mổ gia súc, gia cầm; 216 cơ sở kinh doanh hàng nông, lâm sản; 412 cơ sở kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng máy nông nghiệp.

¹³- UBND tỉnh ban hành các Quyết định: Số 485/QĐ-UBND, ngày 24/3/2017 về việc ban hành Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Số 40/2018/QĐ-UBND, ngày 05/6/2018 ban hành quy định về cơ chế phân cấp quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; Số 44/2018/QĐ-UBND, ngày 04/7/2018 ban hành Quy chế huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn liên ngành số 160/HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN, ngày 01/8/2018 thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

¹⁴- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành: Quyết định số 38/2007/QĐ-UBND, ngày 27/12/2007 về chính sách hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng mua máy chế biến, bảo quản nông, lâm sản sau thu hoạch sau thu hoạch giai đoạn 2008-2015; Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND, ngày 27/12/2007 về chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay trồng cây lâm

Đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi khuyến khích, nhằm kêu gọi, thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển nhanh các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển công nghiệp chế biến, mạng lưới dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm: Chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn; chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư¹⁵... Tại Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2019 có 04 dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ký kết biên bản ghi nhớ giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các nhà đầu tư¹⁶.

Tổng nguồn lực huy động xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020 là 29.038,0 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng nông thôn mới là 11.776,4 tỷ đồng, bao gồm: Ngân sách Trung ương là 2.396,8 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 926,6 tỷ đồng, vốn lồng ghép các chương trình, dự án là 8.452,9 tỷ đồng, huy động doanh nghiệp, HTX là 1.191,8 tỷ đồng, vốn tín dụng 15.032,6 tỷ đồng, vốn huy động từ cộng đồng dân cư (bằng tiền, ngày công, hiến đất,...) và vốn huy động khác 1.037,7 tỷ đồng.

5. Giải quyết các vấn đề văn hóa - xã hội, môi trường, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn

Công tác giảm nghèo, trợ giúp xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới đã huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị vào cuộc, phối hợp triển khai đồng bộ và hiệu quả góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo đạt mục tiêu đề ra. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 24,06% năm 2011 xuống còn

nghiệp và cây ăn quả giai đoạn 2008-2015 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND, ngày 20/10/2010 về việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển đàn trâu, bò và cải tạo đàn bò tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2010-2015; Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND, ngày 20/8/2009 về việc ban hành chính sách hỗ trợ nhà văn hóa thôn, khối, phố, sân tập thể thao cho các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2009-2015; Quyết định số 1841/QĐ-UBND, ngày 26/11/2013 về việc nâng mức hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn, sân tập thể thao xã của 35 xã trong kế hoạch xây dựng nông thôn mới đến năm 2015...

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành: Nghị quyết số 53/2011/NQ-HĐND, ngày 26/7/2011 về Đề án phát triển giao thông tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2011-2015; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND, ngày 27/9/2016 về Chính sách hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn, khối phố; sân tập thể thao xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND, ngày 29/7/2016 về Quy định và ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND, ngày 11/12/2017 về Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020; Nghị quyết số 66/2017/NQ-HĐND, tỉnh ngày 11/12/2017 về Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2030...

¹⁵- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành: Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 (thay thế Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND, ngày 09/12/2016).

UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND, ngày 06/5/2020 về việc ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình thuộc dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025.

¹⁶-Kết quả thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2011-2020 có 33 dự án với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 2.504 tỷ đồng. Trong đó một số dự án tương đối lớn như: Đầu tư trồng rừng cây gỗ lớn và trồng cây dược liệu dưới tán rừng tại huyện Văn Lãng và huyện Bắc Sơn; đầu tư trồng rừng và phát triển rừng bền vững tạo vùng nguyên liệu ổn định cho nhà máy chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn; Đầu tư trồng rừng và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh; Xưởng chế biến và sản xuất các sản phẩm từ nhựa thông huyện Lộc Bình; Nhà máy chế biến hoa hồi Lạng Sơn; Nông nghiệp công nghệ cao; Trồng cây Mắc ca huyện Lộc Bình...

11,86% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 25,95% năm 2015 (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020) xuống còn 7,89% năm 2020. Hết năm 2020 có 108/181 xã đạt tiêu chí về hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 59,67%. Thu nhập bình quân khu vực nông thôn ước năm 2020 đạt 26,86 triệu đồng/người/năm, tăng 2,98 lần so với năm 2011. Hết năm 2020 có 78/181 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 43,09%.

Công tác tạo sinh kế, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn được chú trọng, trong giai đoạn 2011- 2019 toàn tỉnh đã giải quyết việc làm mới cho trên 135.000 lao động (trong đó lao động nông thôn chiếm 80%). Thực hiện phát triển kinh tế - xã hội để giải quyết việc làm trên 65.000 người, cho vay từ nguồn quỹ quốc gia về việc làm để tạo việc làm và duy trì ổn định việc làm cho trên 12.500 lao động, mỗi năm cung ứng giới thiệu việc làm cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh từ 350 - 500 lao động.

Hạ tầng giáo dục được quan tâm đầu tư, trong giai đoạn 2011 - 2020 đã lồng ghép, xây dựng mới 364 phòng học, 70 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ. Tỉnh đã bố trí kinh phí đầu tư xây dựng bổ sung cơ sở vật chất cho các trường học với 224 phòng học, 291 phòng chức năng, 481 phòng làm việc, 192 công trình vệ sinh và 45 công trình nước sạch. Trong giai đoạn, đã công nhận thêm 143 trường chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn lên 226 trường¹⁷; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia ngày càng nâng cao trong đó nhiều trường thuộc vùng nông thôn¹⁸. Kết quả phổ cập giáo dục và xóa mù chữ được duy trì và chất lượng ngày càng nâng cao¹⁹. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, học nghề đạt 88,9%. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện, đã tổ chức dạy nghề cho 102.028 lao động, trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn được 83.394 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2011 đạt 35%, đến năm 2020 đạt 55%. Hết năm 2020 có 181/181 xã đạt tiêu chí về giáo dục, đạt tỷ lệ 100%; có 72/181 xã đạt tiêu chí về trường học, đạt tỷ lệ 39,78%.

Công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho Nhân dân được quan tâm thực hiện. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng từng bước đáp ứng yêu cầu của Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã; công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được tăng cường, nhất là công tác điều trị tại tuyến xã; nhân lực y tế của các trạm y tế xã cơ bản được bảo đảm. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng dần qua các năm, năm 2011 là 89,17%, đến tháng 6 năm 2020 đạt 93,8%. Trong giai đoạn 2011 - 2020 đã có 81 trạm y tế xã được xây mới và 63 trạm y tế được cải tạo, sửa chữa nâng cấp với tổng kinh phí trên 282 tỷ đồng.

17- Trong đó: 65 trường mầm non, 79 trường tiểu học, 72 trường THCS và 10 trường THPT

18- Mầm non: 65/234, tỷ lệ 27.7%; Tiểu học: 79/197 tỷ lệ 40.1%; THCS: 72/228, tỷ lệ 31.5%; THPT: 10/27, tỷ lệ 37,0%

19- Đến nay, 100% số xã đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 100% số xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, toàn tỉnh đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3; 100% số xã đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở, trong đó 175/207 đạt 84,5% số xã đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 3, toàn tỉnh đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2; 100% số xã đạt chuẩn XMC, trong đó 203/207 đạt 98% số xã đạt chuẩn XMC mức độ 2, toàn tỉnh duy trì đạt chuẩn XNC mức độ 2.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) giảm từ 31% năm 2010 xuống còn 25,9% năm 2018. Đến nay có 133/181 xã đạt tiêu chí, đạt tỷ lệ 73,48%.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng nhu cầu người dân khu vực nông thôn. Trong giai đoạn 2011 - 2020, tỉnh đã ban hành 02 chính sách²⁰ hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà văn hóa thôn, sân tập thể thao xã. Từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh phân bổ trên 300 tỷ đồng và xã hội hóa trên 186.950 triệu đồng để hỗ trợ xây dựng cho các thiết chế văn hóa, thể thao, nâng số xã có nhà văn hóa lên 81/207 xã (chiếm tỷ lệ 39,1%), 168/207 xã có sân tập thể dục thể thao, tỷ lệ thôn có nhà văn hóa đạt 96,7%; các hoạt động văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thông được tăng cường, các mô hình về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của từng địa phương, dân tộc được bảo tồn và phát huy²¹. Tỷ lệ hộ đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” và thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa tăng dần qua các năm²²; năm 2020 có 72/181 xã đạt tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa, chiếm tỷ lệ 40,33%; có 117/181 xã đạt tiêu chí về văn hóa, chiếm tỷ lệ 64,64%.

Công tác giữ gìn vệ sinh môi trường, quản lý, thu gom và xử lý chất thải, nước thải ở các xã đã có sự chuyển biến tích cực, các khu dân cư tập trung đã dần được đầu tư, nâng cấp hệ thống thu gom, thoát nước thải; phong trào trồng cây xanh, vệ sinh đường làng, ngõ xóm, chỉnh trang nhà cửa, cải tạo vườn tạp được quan tâm. Hệ thống các công trình nước sinh hoạt phục vụ đời sống Nhân dân nông thôn được quan tâm đầu tư²³, góp phần nâng tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh từ 77,20% năm 2011 lên 95% năm 2020; toàn tỉnh đã triển khai được 105 mô hình Khu dân cư kiểu mẫu tại các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, qua đó đã tạo ra sự thay đổi rõ rệt về kinh tế, cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, góp phần duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí môi trường một cách hiệu quả và bền vững. Hết năm 2020 có 98/181 xã đạt tiêu chí về môi trường, chiếm tỷ lệ 54,14%.

6. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội nông thôn

Công tác sẵn sàng chiến đấu được nâng lên, các lực lượng quân sự, Bộ đội Biên phòng, Công an hằng năm được xây dựng đầy đủ, chất lượng và tổ chức diễn tập các phương án chiến đấu phòng thủ khu vực tỉnh, huyện đạt kết quả tốt; duy trì thực hiện nền nếp quy chế phối hợp giữa 3 lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Công tác quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn được chỉ đạo thực hiện, gắn với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Công tác tuyển quân hằng năm đạt

²⁰ Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 26/11/2016 về việc nâng mức hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn, sân tập thể thao xã của 35 xã trong kế hoạch xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn đến năm 2015; Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về chính sách hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn, khối phố; sân tập thể thao xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2016-2020.

²¹ Toàn tỉnh trên 300 Câu lạc bộ văn hóa, Đội văn nghệ quần chúng với tổng số hội viên trên 8.500 người (phổ biến là các Câu lạc bộ đàn và hát dân ca, Câu lạc bộ Hát then - Đàn tính); có trên 304 Câu lạc bộ thể thao được thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên.

²² Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn về văn hóa tăng từ 58,5% năm 2011 lên 78,5% năm 2020.

Tỷ lệ thôn đạt chuẩn về văn hóa tăng từ 27,2% năm 2011 lên 71% năm 2020.

²³ Trong giai đoạn 2011-2020 đã xây dựng được trên 79.021 công trình cấp nước nhỏ lẻ (giếng đào, giếng khoan, bể chứa nước mưa, ống dẫn nước); 370 công trình cấp nước tập trung.

100% chỉ tiêu được giao. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng theo hướng “vững mạnh, rộng khắp”²⁴, hằng năm được rà soát, điều chỉnh, bổ sung lực lượng phù hợp với điều kiện thực tế từng cơ sở. Đội ngũ dân quân tự vệ thường xuyên được củng cố, kiện toàn, phát huy tốt vai trò tham mưu, triển khai có hiệu quả công tác dân quân tự vệ và các chỉ tiêu về quốc phòng địa phương trên địa bàn tỉnh.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được chú trọng, thường xuyên đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân thực hiện tốt quy ước, hương ước của thôn bản khu dân cư; lực lượng nòng cốt bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở được quan tâm củng cố, kiện toàn và hoạt động có hiệu quả. Công tác quản lý về an ninh trật tự, công tác đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được tăng cường, góp phần kiềm chế và làm giảm các loại tội phạm; hoạt động hòa giải ở cơ sở được quan tâm, các vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ Nhân dân được giải quyết kịp thời không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Hết năm 2020 có 165/181 xã đạt tiêu chí.

7. Nâng cao chất lượng tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn nông thôn

Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh thường xuyên được quan tâm chỉ đạo, số cơ sở đảng hằng năm được đánh giá trong sạch, vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ tăng²⁵; phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh bảo đảm về số lượng, chất lượng ngày càng được nâng lên²⁶. Công tác rà soát các tiêu chuẩn chức danh, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã để xây dựng kế hoạch và giải pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định được quan tâm và đã đạt được những kết quả nhất định²⁷.

Chất lượng các dịch vụ hành chính công cấp xã được cải thiện, đã chỉ đạo thi hành nghiêm túc Pháp lệnh Dân chủ ở cơ sở, thực hiện công khai, minh bạch trình tự, thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí để Nhân dân biết thực hiện, kiểm tra, giám sát²⁸. Công tác tiếp cận pháp luật được chú trọng, tăng cường, từ năm 2011 đến nay đã thực hiện trợ giúp pháp lý được 3.324 vụ việc. Hội đồng phổ

24- Năm 2011, tổng số dân quân tự vệ toàn tỉnh là 15.816 người; đến tháng 6/2020 tổng số dân quân tự vệ 19.161 người, tăng 27% so với năm 2011.

25- Chất lượng tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn: Năm 2011: có 29 TCCSĐ đạt TSVM, 137 TCCSĐ đạt HTTNV, 38 TCCSĐ đạt HTNV, 3 TCCSĐ yếu kém. Năm 2015: có 40 TCCSĐ đạt TSVM, 94 TCCSĐ đạt HTTNV, 71 TCCSĐ đạt HTNV, 2 TCCSĐ yếu kém. Năm 2016: có 60 TCCSĐ HTXS NV, 102 TCCSĐ đạt HTTNV, 61 TCCSĐ đạt HTNV, 3 TCCSĐ không HTNV. Năm 2017: có 63 TCCSĐ HTXS NV, 125 TCCSĐ đạt HTTNV, 38 TCCSĐ đạt HTNV. Năm 2018: có 34 TCCSĐ HTXS NV, 166 TCCSĐ đạt HTTNV, 26 TCCSĐ đạt HTNV. Năm 2019: có 36 TCCSĐ HTXS NV, 179 TCCSĐ đạt HTTNV, 11 TCCSĐ đạt HTNV.

26- So với năm 2011, tỷ lệ cán bộ, công chức năm 2019 đạt chuẩn về trình độ văn hóa tăng 5%; chuyên môn, nghiệp vụ tăng lên 25,7%; Lý luận chính trị tăng 39,12%; quản lý nhà nước tăng 54,19%

27- Trong giai đoạn 2011 - 2020, tỉnh Lạng Sơn đã tổ chức được 255 lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã với tổng số 24.799 lượt cán bộ, công chức tham gia.

28- Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã triển khai cung cấp được 558 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, 471 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 796 dịch vụ công trực tuyến mức độ 2.

biển, giáo dục pháp luật tỉnh đã tích cực tuyên truyền các văn bản pháp luật trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đến với người dân với nội dung phù hợp.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, thể hiện rõ vai trò là trung tâm tập hợp khối đại đoàn kết. Tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ và người dân trong tỉnh phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết, dân chủ, cần cù, sáng tạo, thu hút đông đảo các lực lượng trong xã hội hưởng ứng, tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, nổi bật là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” nay là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, gắn với 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Đến nay có 93/181 xã đạt tiêu chí về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật.

8. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới

Đến hết tháng 6/2020, toàn tỉnh có 49/181 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 27,1% tính theo đơn vị hành chính mới (theo đơn vị hành chính cũ, toàn tỉnh có 61/207), hết năm 2020 có 65/181 xã (tỷ lệ 35,91%) được công nhận đạt chuẩn²⁹. Số tiêu chí bình quân/xã đạt 11,54 tiêu chí/xã, đến hết năm 2020 đạt 12,5 tiêu chí/xã, tăng 9,93 tiêu chí/xã so với năm 2011, bình quân tăng 1 tiêu chí/xã/năm. Thành phố Lạng Sơn được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2017.

9. Đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu cụ thể của Nghị quyết

(1) *Mục tiêu đến năm 2012 hoàn thành Đề án xây dựng nông thôn mới của toàn tỉnh, cơ bản các xã trên địa bàn tỉnh hoàn thành quy hoạch xây dựng nông thôn mới*: Kết quả hết năm 2012, có 11/11 huyện, thành phố và 207/207 xã trên địa bàn tỉnh hoàn thành công tác lập Đề án và Quy hoạch nông thôn mới; tháng 9 năm 2013 UBND tỉnh phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh (**đánh giá hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết**).

(2) *Mục tiêu đến năm 2015 có 20% số xã cơ bản đạt tiêu chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*: kết quả đến hết năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 13/207 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 6,28% (**đánh giá không đạt mục tiêu của Nghị quyết**). Nguyên nhân không hoàn thành do mục tiêu đặt ra ở mức quá cao, thời điểm xây dựng Nghị quyết các chỉ tiêu được tính toán căn cứ dựa trên mục tiêu bình quân chung của cả nước tại Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ, thực tiễn triển khai thấy không phù hợp với đặc thù của tỉnh miền núi, điều kiện kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn.

(3) *Mục tiêu đến năm 2020 có 50% số xã cơ bản đạt tiêu chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã điều chỉnh lại xuống còn 35% tương đương 72 xã)*: kết quả đến hết năm 2020 toàn tỉnh có 74/207 xã được công nhận đạt chuẩn

²⁹ Chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017, đến năm 2020 tỉnh Lạng Sơn có 72 xã đạt chuẩn NTM, tương ứng 34,8%, nếu giữ nguyên số xã không thực hiện sáp nhập thì dự kiến hết năm 2020 toàn tỉnh có 77/207 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 37,20%, cao hơn chỉ tiêu giao 5 xã, tương ứng 2,4%.

nông thôn mới chiếm tỷ lệ 35,74% số xã toàn tỉnh. Đánh giá đạt vượt mục tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh Lạng Sơn tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017³⁰, **không đạt so mục tiêu Nghị quyết 20-NQ/TU**.

(Chi tiết các chỉ tiêu theo từng lĩnh vực có Biểu so sánh kèm theo).

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU, năng lực lãnh đạo của cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là cấp cơ sở được củng cố và nâng cao, vai trò chủ thể của Nhân dân được phát huy. Phong trào thi đua "Lạng Sơn cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" được triển khai sâu rộng và tạo được sự chuyển biến sâu sắc, rõ nét về nhận thức trong toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân và đã thực sự trở thành phong trào có sức lan tỏa rộng khắp, được người dân đồng tình hưởng ứng. Tổng kết phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện nhiều mô hình, cách làm hay, sáng tạo qua đó tạo bước đột phá trên nhiều lĩnh vực; niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, chính quyền các cấp đối với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới ngày càng được củng cố và tăng cường.

Diện mạo các vùng nông thôn có nhiều khởi sắc, kết cấu hạ tầng nông thôn được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, qua đó từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống của cộng đồng dân cư khu vực nông thôn. Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới được chú trọng hướng vào phát triển các vùng sản xuất gắn với cây, con chủ lực, thế mạnh các ngành, nghề truyền thống, đặc sản của địa phương; công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm được quan tâm gắn với thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Qua đó, đã từng bước tạo sự chuyển biến trong tư duy và cách thức tổ chức sản xuất của người dân khu vực nông thôn.

Đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt, thu nhập người dân nông thôn tăng 2,98 lần so với năm 2011; mức độ hưởng thụ về văn hóa, y tế, giáo dục của người dân được nâng lên; xuất hiện nhiều mô hình khu dân cư kiểu mẫu có những nét nổi bật về cảnh quan, đường làng, ngõ xóm sáng - xanh - sạch - đẹp; hệ thống chính trị, an ninh trật tự và quốc phòng ở khu vực nông thôn được giữ vững.

2. Hạn chế, yếu kém

Một số cấp uỷ đảng, chính quyền nhất là cấp cơ sở chưa thực sự quyết liệt, linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện; còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ, chỉ đạo của cơ quan cấp trên; năng lực của cán bộ cơ sở, nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ và chất lượng triển khai thực hiện Nghị quyết. Công tác chỉ đạo duy trì và

³⁰ Chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017, đến năm 2020 tỉnh Lạng Sơn có 72 xã đạt chuẩn NTM, tương ứng 34,8%, nếu giữ nguyên số xã không thực hiện sáp nhập thì dự kiến hết năm 2020 toàn tỉnh có 74/207 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 35,74%, cao hơn chỉ tiêu giao 2 xã.

nâng cao chất lượng các tiêu chí tại một số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới còn thiếu quyết liệt, một số xã đã bị tụt tiêu chí sau khi được công nhận đạt chuẩn. Công tác tuyên truyền đã có cố gắng nhưng chất lượng tuyên truyền nhiều nơi chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa thực sự phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới; một số nơi, các chủ trương, cơ chế, chính sách trong xây dựng nông thôn mới chưa được thông tin, cập nhật đầy đủ và kịp thời.

Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn nhiều hạn chế, chưa thực sự thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; phát triển kinh tế tập thể còn gặp nhiều yếu kém, một số hợp tác xã thành lập hoạt động còn mang tính hình thức, chưa đúng với bản chất, quy định của Luật Hợp tác xã, chưa phát huy được vai trò kinh tế tập thể trong dẫn dắt kinh tế hộ; liên kết sản xuất lỏng lẻo, chậm đổi mới, chưa có nhiều mô hình phát triển sản xuất hiệu quả được hình thành, nhân rộng, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) còn chậm so các tỉnh trong khu vực.

Nguồn lực xây dựng nông thôn mới được quan tâm nhưng cơ bản chưa đáp ứng được yêu cầu, khả năng bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương, của tỉnh và huy động sức dân còn hạn chế. Kết quả đạt được trong xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều giữa các địa phương, còn khoảng cách chênh lệch khá lớn giữa nhóm xã đạt chuẩn và các xã khác, số lượng xã dưới 10 tiêu chí còn ở mức cao; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới và bình quân tiêu chí nông thôn mới của tỉnh còn thấp hơn bình quân chung của cả nước³¹, một số chỉ tiêu chưa đạt so với mục tiêu Nghị quyết số 20-NQ/TU đề ra.

Đời sống vật chất, tinh thần người dân nông thôn bước đầu được cải thiện nhưng chưa đồng đều, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn, mức hưởng thụ văn hoá tinh thần của nhân dân ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới nhìn chung vẫn còn ở mức thấp; một số tiêu chí nông thôn mới chất lượng chưa cao, chưa thực sự bền vững.

3. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

3.1. Về khách quan: Lạng Sơn là tỉnh miền núi biên giới, điều kiện kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn; xuất phát điểm thấp, số lượng các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh chiếm tỷ lệ cao, suất đầu tư lớn, trong khi nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới từ ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh còn hạn chế; nguồn lực đầu tư từ ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu; sự huy động hỗ trợ, ủng hộ của các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư hạn chế. Khí hậu, thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, dịch bệnh xảy ra và diễn biến phức tạp ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế, đời sống và hoạt động sản xuất của người dân.

3.2. Về chủ quan: Một số cấp uỷ cơ sở chưa thể hiện rõ vai trò hạt nhân

³¹ - Đến tháng 6/2020, cả nước có 5.233 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 58,9%; bình quân tiêu chí/xã đạt 16,26 tiêu chí/xã.

chính trị, năng lực lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ còn yếu; lúng túng trong việc cụ thể hoá chương trình xây dựng nông thôn mới vào thực tế của địa bàn; chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo khắc phục khó khăn, phát huy nội lực trong xây dựng nông thôn mới. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự gương mẫu đi đầu trong các phong trào ở cơ sở, tác phong, lề lối làm việc chậm đổi mới, chưa chủ động trong thực thi nhiệm vụ; một bộ phận người dân nông thôn chưa thấy rõ vai trò chủ thể của mình trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, vẫn còn tư tưởng ỷ lại vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước.

V- BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để lãnh đạo chỉ đạo, đi đôi với giám sát, gắn trách nhiệm với nhiệm vụ, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu; khơi dậy tinh thần tự giác, tính tự lực, chủ động của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong thực hiện Chương trình.

Hai là, xác định, kiên định thực hiện phương châm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo là: “kiên trì, đeo bám, quyết liệt nhưng không nóng vội, buông xuôi; bám sát cơ sở, năng động sáng tạo, linh hoạt trong chỉ đạo”. Thực tiễn cho thấy địa phương nào các cấp uỷ đảng, chính quyền thực sự quan tâm sâu sát trong chỉ đạo điều hành và phát huy được nội lực, vào cuộc thường xuyên, quyết liệt thì sẽ tạo được sự chuyển biến rõ nét.

Ba là, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa thiết thực của Chương trình xây dựng nông thôn mới. Công tác tuyên truyền phải làm được sự chuyển biến về nhận thức, huy động được cả hệ thống chính trị vào cuộc; lực lượng nòng cốt để thực hiện tốt công tác tuyên truyền là hệ thống tuyên giáo, dân vận các cấp, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên từ tỉnh đến cơ sở; phát huy vai trò của các cơ quan thông tin truyền thông; làm tốt công tác đối thoại với Nhân dân, thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới một cách căn cơ, có chiều sâu và hiệu quả.

Bốn là, cán bộ là nhân tố quyết định trong tổ chức thực hiện thành công Chương trình xây dựng nông thôn mới, nhất là cán bộ cấp cơ sở. Nơi nào cán bộ tâm huyết, trách nhiệm, sâu sát, gương mẫu, tiên phong, nhất là người đứng đầu dám nghĩ, dám làm thì ở đó phong trào xây dựng nông thôn mới nổi bật hơn, rõ nét hơn, kết quả cao hơn.

Năm là, xác định mục tiêu phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, cơ sở; việc vận dụng các cơ chế, chính sách trong triển khai thực hiện Chương trình phải linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; phát huy quyền dân chủ của người dân ở cơ sở, thực hiện trao quyền tự chủ cho người dân và cộng đồng để họ thực sự là chủ thể trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

Sáu là, phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao thu nhập cho người dân một cách hiệu quả và bền vững, đây là mục tiêu cốt lõi của chương trình xây dựng nông thôn mới.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I- QUAN ĐIỂM

1. Xây dựng nông thôn mới là một quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục, có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc. Xây dựng nông thôn mới tinh toàn diện, bền vững, đi sâu vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn.

2. Xây dựng nông thôn mới phải gắn với quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn; bảo đảm kết nối nông thôn - đô thị, phát triển hài hòa kinh tế, xã hội và môi trường; tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, chú trọng hoàn thiện và cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã khó khăn, ưu tiên hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng cấp thôn, bản; tăng cường phát triển dịch vụ thương mại nông thôn; phát huy tính chủ động sáng tạo của từng địa phương, sự vào cuộc của các tổ chức chính trị xã hội.

3. Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất theo định hướng quy hoạch và thị trường tiêu thụ; khuyến khích phát triển kinh tế tập thể; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

4. Xây dựng nông thôn mới phải chú trọng bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn, các giá trị văn hóa, con người Xứ Lạng được bảo tồn và phát huy, hệ thống chính trị được tăng cường, quốc phòng, an ninh trật tự được giữ vững.

5. Phát huy nền tảng, sức mạnh toàn dân, tinh thần đoàn kết và vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng nông thôn mới theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới đồng bộ với hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, kinh tế - xã hội phát triển toàn diện, hệ thống kết cấu hạ tầng ở các xã được đầu tư hiện đại, bền vững, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển du lịch cộng đồng, thương mại, dịch vụ; đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và mức hưởng thụ về y tế, văn hóa, xã hội của người dân nông thôn; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp, chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phần đầu mỗi năm có ít nhất 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến hết năm 2025 là 115 xã, chiếm tỷ lệ 63,54% trong tổng số 181 xã.

- Số tiêu chí bình quân 01 xã trên địa bàn tỉnh đạt từ 15,5 - 16 tiêu chí, không có xã dưới 10 tiêu chí.

- Có thêm 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng được 32 xã nông thôn mới nâng cao; 12 xã nông thôn mới kiểu mẫu; xét công nhận 30 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Xây dựng được 80% số thôn, bản thuộc các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn Bộ tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%.

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 70%.

- Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phấn đấu đến năm 2025 tiêu chuẩn hóa trên 80 sản phẩm và 03 mô hình làng văn hóa du lịch cộng đồng; xây dựng được từ 25 - 30 chuỗi giá trị nông nghiệp.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quyết tâm chính trị của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Công tác chỉ đạo triển khai xây dựng nông thôn mới phải thực hiện đồng bộ, toàn diện đối với tất cả các xã trên địa bàn tỉnh, đồng thời tập trung ưu tiên chỉ đạo các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới.

Các cấp, các ngành chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; tham mưu xây dựng, ban hành các chính sách thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 sát với điều kiện và tình hình thực tế của địa phương. Xây dựng chính sách và giải pháp hỗ trợ các thôn, bản ở các địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng xa, biên giới xây dựng nông thôn mới và một số nội dung của chương trình còn đạt tỷ lệ thấp.

2. Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân để khơi dậy tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh trật tự... phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

3. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nội dung trọng tâm của Chương trình:

3.1. Đẩy mạnh triển khai tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới (*trong đó ưu tiên phát triển các thế mạnh của vùng về cây ăn quả, rau, cây dược liệu, cây đặc sản, chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, lâm nghiệp...*). Phát huy và khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, điều kiện tự nhiên để phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng vùng nguyên liệu, cây ăn quả, nông sản tập trung gắn với cấp mã vùng trồng, mã vạch sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quản lý chất lượng (VietGap, GlobalGap) và truy xuất nguồn gốc; bảo vệ tài nguyên rừng bền vững... Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, xây dựng nhãn hiệu và quảng bá sản phẩm để từng bước hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến thị trường tiêu thụ.

Thúc đẩy triển khai Chương trình OCOP nhằm phát triển các sản phẩm đặc sản của địa phương, phát triển du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp và cộng đồng về tầm quan trọng và ý nghĩa Chương trình, cùng với đó tái cơ cấu các tổ chức kinh tế sẵn có theo hướng có sự tham gia lớn hơn của cộng đồng, xem đây là định hướng trọng tâm để phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn của tỉnh, nâng cao thu nhập cho người dân và góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc; chú ý thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư cho chế biến sâu, sản xuất theo chuỗi cung ứng bên cạnh việc nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh.

3.2. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn, trong đó, có chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn những xã đặc biệt khó khăn, chú trọng đầu tư cho các công trình cấp thôn, bản nhằm cải thiện trực tiếp điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân.

3.3. Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội để nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn. Bảo tồn và phát huy sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình du lịch cộng đồng ở các vùng nông thôn.

3.4. Tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn (thu gom xử lý nước thải, chất thải, bao gói thuốc bảo vệ thực vật...), cải tạo cảnh quan môi trường, chú trọng phát triển các mô hình thôn, bản xanh, sạch đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch cộng đồng gắn kết hình thành các tour du lịch kết nối với các điểm nhân thu hút khách du lịch như Mẫu Sơn, Thung Lũng hoa Bắc Sơn, Thác Đãng Mò huyện Bình Gia...

3.5. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và Nhân dân trong tham gia quản lý, bảo vệ biên giới; giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong mọi tình huống. Triển khai các giải pháp để kiểm chế và xử lý có hiệu quả các vấn đề về an ninh nông thôn.

4. Tập trung huy động tối đa các nguồn lực và thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình MTQG, các Chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn và các nguồn vốn khác để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động, thực hiện xã hội hóa các nguồn lực để thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp, huy động nguồn lực trong Nhân dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đáp ứng nhu cầu phát triển. Trong đó ưu tiên nhóm xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới và các xã điểm đặc biệt khó khăn, biên giới; đối với các nhóm xã còn lại tiếp tục quan tâm ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ trực tiếp nhu cầu phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của cộng đồng dân cư; khuyến khích thực hiện giao công trình phù hợp cho người dân và cộng đồng dân cư trực tiếp thi công, bảo đảm phát huy tối đa nội lực của cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư nhằm thu hút nhà đầu tư lớn đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông lâm sản, du lịch, dịch vụ ở khu vực nông thôn.

5. Chú trọng nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo cũng như đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với chương trình, đề án cụ thể trên địa bàn, cần khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo, nâng cao chất lượng lao động, có giải pháp hỗ trợ bổ sung kỹ năng cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, quan tâm tăng cường bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nhất là ở cấp xã, thôn để nâng cao chất lượng công tác tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách sáng tạo, đột phá phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng. Thực hiện tốt công tác cán bộ cơ sở, tăng cường điều động, luân chuyển cán bộ có năng lực giữ vị trí chủ chốt ở huyện, xã khó khăn, tiến độ triển khai còn chậm để tạo sự chuyển biến trong triển khai chương trình, luân chuyển cán bộ từ những địa phương làm tốt sang các địa phương còn khó khăn;...

6. Tiếp tục triển khai các đề án chuyên đề theo chỉ đạo của Trung ương (*Phát triển môi trường, phát triển du lịch nông thôn, an ninh trật tự...*) để phát huy tiềm năng, lợi thế từng vùng, từng địa phương trong xây dựng nông thôn mới; quan tâm hỗ trợ, triển khai các Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

7. Thực hiện cơ chế hỗ trợ tạo sinh kế cho hộ nông dân, hộ nghèo thông qua nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng chính sách xã hội. Tập trung nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội để giảm nghèo ở các huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao. Thực hiện lồng ghép hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới.

8. Thường xuyên tăng cường đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình gắn với rà soát, nghiên cứu và đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế.

IV- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo:

1. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm chương trình Mỗi xã một sản phẩm trong xây dựng nông thôn mới; phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo hướng ưu tiên đầu tư vào các xã biên giới, xã an toàn khu, xã đặc biệt khó khăn; kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình.

2. Ban hành cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 (như giao chủ đầu tư các công trình nhóm C quy mô nhỏ) theo hướng tùy điều kiện của từng tỉnh, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động xem xét giao chủ đầu tư là Ban quản lý cấp xã hay cấp huyện.

3. Nghiên cứu, ban hành chính sách ưu tiên tăng mức hỗ trợ các nguồn vốn trực tiếp trong Chương trình xây dựng nông thôn mới cho các tỉnh khó khăn như tỉnh Lạng Sơn. Tăng định mức hỗ trợ các nguồn vốn trực tiếp trong thực hiện các Chương trình MTQG cho các xã biên giới để góp phần thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

vụ giao tại Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 10/10/2017 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

4. Xem xét, sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để bảo đảm việc bố trí vốn tập trung, tránh dàn trải, đáp ứng được các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định về phân cấp, trao quyền, huy động và sử dụng nguồn lực, cụ thể là giao tổng nguồn vốn cho tỉnh để tỉnh tự chủ động đầu tư nhằm đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

5. Đối với Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trong xây dựng nông thôn mới, đề nghị ban hành các cơ chế, chính sách có liên quan như: Hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ vùng sản xuất tập trung, hỗ trợ khoa học công nghệ, hỗ trợ phát triển sản phẩm, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ xúc tiến thương mại.

Nơi nhận:

- Ban cán sự đảng Chính phủ,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và PTNT,
- Thường trực Tỉnh uỷ,
- Thường trực HĐND tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc,
- Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Hoàng Văn Nghiệm